TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: **136/2025/QĐST-HNGĐ**	*Quận 4, ngày 11 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc Phương D, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số 756 X, Phường Y, Quận Z - TP. Hồ Chí Minh;

Tạm trú: 012 chung cư X, Phường Y, Quận Z - TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Khánh T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: 92B/20/20B X, Phường Y, Quận Z, TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Ngọc Phương D và ông Nguyễn Khánh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 126/2023 do Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4 cấp ngày 17/11/2023).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà D và ông T xác định có một con chung tên Lê Ngọc Như Y, sinh ngày 23/4/2024. Khi ly hôn, bà D và ông T thống nhất: Giao con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng sẽ được thực hiện vào ngày 10 (dương lịch) hàng tháng và bắt đầu từ tháng 05 năm 2025 cho đến khi con chung thành niên.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng bà D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Hai bên đương sự xác định không có.

2.3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng định kỳ là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà Lê Ngọc Phương D tự nguyện nộp toàn bộ. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0066545 ngày 17/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trung Tính